

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST

Ngày: 31-10-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phụng

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-DS ngày 10/4/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-DS ngày 20/9/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Ngọc Th, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2018 vợ chồng bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr có vay tiền, vàng của bà nhiều lần và mượn hụi không viết biên nhận, đến ngày 06/7/2018 âm lịch (al) ký biên nhận như sau:

- Ngày 25/7/2013 (al) mượn 20 chỉ vàng 24kara;
- Ngày 30/01/2015 (al) mượn 01 phần hui 10.000.000 đồng;
- Ngày 30/10/2014 (al) mượn 02 phần hui 10.000.000 đồng;
- Ngày 25/01/2018 (al) mượn 05 chỉ vàng 24kara;
- Ngày 25/02/2018 (al) mượn 50.000.000 đồng;
- Ngày 20/02/2018 (al) mượn 90.000.000 đồng;
- Ngày 14/7/2017 (al) mượn 50.000.000 đồng;
- Ngày 25/02/2018 (al) mượn 100.000.000 đồng;
- Ngày 19/7/2017 (al) mượn 40.000.000 đồng;
- Mượn 05 chỉ vàng 18kara, 10 chỉ vàng 24kara và 51.442.780 đồng không nhớ ngày tháng.

Ngoài ra, bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr còn mượn 65.000.000 đồng không viết biên nhận. Trong đó, ngày 20/7/2018 (al) mượn 15.000.000 đồng, ngày 29/10/2018 (al) mượn 50.000.000 đồng.

Bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr hứa khi nào vay tiền Ngân hàng và bán đất được sẽ trả nhưng đến nay chưa trả. Bà khởi kiện yêu cầu bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr trả số tiền 667.742.000 đồng và 35 chỉ vàng 24kara.

Tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr trả số tiền 425.000.000 đồng và 35 chỉ vàng 24kara, không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà Bùi Ngọc Th trình bày tại bản tự khai ngày 19/4/2019: Trước đây bà có mượn tiền của bà Nguyễn Thị T bao nhiêu lần bà không nhớ cụ thể, tính đến ngày 15/7/2018 còn thiếu số tiền 425.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24kara. Trước yêu cầu của bà T bà đồng ý trả số tiền vàng trên và xin trả dần.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 04/9/2019: Ông là chồng của bà Bùi Ngọc Th, việc vay mượn tiền giữa vợ ông và bà Nguyễn Thị T ông hoàn toàn không biết nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án, cũng như tại phiên tòa xác định được như sau:

Xét về hợp đồng vay: Nguyên đơn bà T cung cấp Giấy mượn nợ ngày 06/7/2018 âm lịch có chữ ký của bà Th. Trong giấy mượn nợ bà T đã liệt kê rõ

bà Th đã mượn 03 phần hui 10.000.000đ, tiền vay tổng cộng 381.442.780đ; 05 chỉ vàng 18 kara và 35 chỉ vàng 24k. Bà Th đã thừa nhận đó là chữ ký của bà và ngày 15/7/2018 bà Th có viết lại giấy nhận nợ của bà T là 425.000.000đ và xin trả dần. Như vậy có đủ căn cứ chứng minh bà Th có nợ của bà T số tiền là 425.000.000đ, theo thỏa thuận trả dần nhưng kể từ ngày viết biên nhận, nhận nợ đến nay bà Th không trả cho bà T khoản tiền nào mặc dù ngày 04/12/2018 bà Th và ông Tr có vay ở Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Long An, Phòng giao dịch thị xã Kiến Tường số tiền 500.000.000đ vì vậy nay bà T yêu cầu bà Th trả lại số tiền vay 425.000.000đ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu bà Th trả 35 chỉ vàng 24k, tại giấy nhận nợ ngày 06/7/2018 bà Th có nhận thiếu tổng cộng 35 chỉ vàng 24k, nay bà Th chỉ thừa nhận thiếu bà T 15 chỉ vàng, nhưng bà Th không đưa ra chứng cứ chứng minh đã trả cho bà T 10 chỉ vàng 24k nên yêu cầu của bà T buộc bà Th trả 35 chỉ vàng 24k là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà T buộc ông Tr liên đới cùng bà Th trả 425.000.000đ và 35 chỉ vàng: Xét việc bà Th vay mượn tiền - vàng của bà T trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Tr và bà Th, bà Th vay mượn tiền – vàng để phục vụ gia đình và mua đất của ông P, bà T1 nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị buộc ông Tr có trách nhiệm liên đới cùng bà Th trả số tiền – vàng cho bà T là có căn cứ.

Về phần lãi suất: Không yêu cầu nên không đề cập đến.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Tr và bà Bùi Ngọc Th liên đới trả cho bà T 425.000.000 đồng và 35 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui, bị đơn bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr có nơi cư trú tại ấp C, xã K, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không ai yêu cầu áp dụng nên căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không áp dụng các quy định về thời hiệu trong vụ án này.

[4] Về nội dung khởi kiện

[4.1] Xét chứng cứ do các đương sự cung cấp

Chứng cứ bà Nguyễn Thị T cung cấp: Xét biên nhận ngày 06/7/2018 thể hiện bà Bùi Ngọc Th có mượn bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 381.442.780 đồng, 35 chỉ vàng 24kara, 05 chỉ vàng 18kara và 03 phần hụi được bà Bùi Ngọc Th thừa nhận là chữ ký của bà tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/4/2019 nhưng không thống nhất về nội dung.

Chứng cứ bà Bùi Ngọc Th cung cấp: Xét biên nhận ngày 15/7/2018 thể hiện bà Bùi Ngọc Th có nợ bà Nguyễn Thị T số tiền hụi và mượn tổng 425.000.000 đồng và hứa sẽ trả dần được bà T thừa nhận là chữ ký của bà.

[4.2] Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về số tiền

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T khẳng định chỉ yêu cầu bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr trả số tiền 425.000.000 đồng, được bà Bùi Ngọc Th thừa nhận và đồng ý trả nên căn cứ biên nhận ngày 15/7/2018 có căn cứ bà Bùi Ngọc Th có nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 425.000.000 đồng.

[4.3] Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về số vàng

Bà Bùi Ngọc Th chỉ thừa nhận còn thiếu bà Nguyễn Thị T 25 chỉ vàng 24kara nhưng tại biên nhận ngày 06/7/2018 thể hiện 03 lần mượn vàng 24kara tổng là 35 chỉ được bà Bùi Ngọc Th thống nhất là chữ ký của bà, bà Th không đưa ra chứng cứ thể hiện chỉ mượn 25 chỉ vàng 24kara hay đã trả 10 chỉ vàng 24kara nên có căn cứ bà Bùi Ngọc Th có nợ bà Nguyễn Thị T 35 chỉ vàng 24kara.

[4.4] Xét yêu cầu trả dần của bà Bùi Ngọc Th

Tại biên nhận ngày 15/7/2018 thể hiện “tôi hứa sẽ trả dần cho chị Sáu T chứ không thể trả 01 lần được” mà không thỏa thuận cụ thể về thời gian trả, trả thành mấy lần, mỗi lần bao nhiêu tiền. Bà Nguyễn Thị T cho rằng thỏa thuận trả dần là khi bà Th, ông Tr vay tiền từ Ngân hàng và bán đất được sẽ trả. Tòa án đã mời rất nhiều lần nhưng bà Bùi Ngọc Th không đến để Tòa án làm rõ việc thỏa thuận trả dần nêu trên. Còn tại bản tự khai ngày 19/4/2019 của bà Bùi Ngọc Th thể hiện “sau này em trả dần cho chị”. Nên Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét.

Tại Hợp đồng tín dụng dùng chung khách hàng cá nhân số 0621800017600 thể hiện ngày 04/12/2018 bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr có vay của Ngân hàng TMCP Bản Việt số tiền 500.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm khoản vay. Tại hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Vĩnh Hưng thể hiện ngày 04/12/2018 bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Bản Việt, ngày 01/11/2018 bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín nên việc thỏa thuận khi nào bán đất được chưa có khả năng thực hiện, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị T. Hơn nữa biên nhận xác định nợ ghi ngày 15/7/2018 đến nay hơn

01 năm bà Bùi Ngọc Th chưa trả cho bà Nguyễn Thị T khoản tiền nào nên bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Bùi Ngọc Th trả số tiền 425.000.000 đồng và 35 chỉ vàng 24kara là có căn cứ. Nên yêu cầu trả dần của bà Bùi Ngọc Th là không có căn cứ chấp nhận.

[4.5] Về trách nhiệm liên đới giữa bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr

Ông Nguyễn Văn Tr cho rằng việc vay tiền, vàng và mượn hụi giữa vợ ông và bà Nguyễn Thị T ông không biết nên không đồng ý. Tuy nhiên, xét đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr. Số tiền, vàng vay và mượn hụi xảy ra trong thời gian dài, không có căn cứ bà Bùi Ngọc Th sử dụng tiền, vàng vào mục đích cá nhân nên ông Nguyễn Văn Tr phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Bùi Ngọc Th trả số nợ trên cho bà Nguyễn Thị T là phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những lập luận trên, bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 425.000.000 đồng và 35 chỉ vàng 24kara là có căn cứ. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền và vàng phải trả cho bà Nguyễn Thị T. (Giá vàng 24kara tại thời điểm xét xử 4.180.000 đồng/chỉ)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 184, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 471, 473, 474, 476, 479 Bộ luật Dân sự 2005; Căn cứ Điều 463, 466, 468, 471, 688 và Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phượng; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr liên đới trả số tiền 425.000.000 đồng và 35 chỉ vàng 24kara.

Buộc bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 425.000.000 đồng và 35 chỉ vàng 24kara.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr phải nộp 26.852.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T 17.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 10/4/2019 theo biên lai số 0004373.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The